TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 60 /2026/HNGĐ-ST Ngày: 10- 7 - 2026 *V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Biên; bà Dương Thị Ngọc Trang
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 6 - Thanh Hóa.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử TAND khu vực 6 - Thanh Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 82/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:1020/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; CCCD số: 038193043965
Cư trú tại: Thôn Đ, phường B, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt có lý do)
Bị đơn: Anh Trần Đình H1, sinh năm 1991; CCCD số: 038091053780
Cư trú tại: Thôn Đ, phường B, tỉnh Thanh (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2026 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Đình H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (nay là phường B), tỉnh Thanh Hóa năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc nguyên nhân là do không hợp nhau, chung sống được 2 năm là xảy ra mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại Thôn Đ ở từ năm

2017 đến nay không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn đề nghị TAND khu vực 6- Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình H1

-Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Trần Đình Bảo K (nam), sinh ngày 02/12/2016. Hiện nay cháu đang ở với bố nên nếu ly hôn chị xin được nhường quyền nuôi con cho anh H1, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2026 anh Trần Đình H1 trình bày: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay chị H làm đơn ly hôn anh không đồng ý.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Đình Bảo K (nam), sinh ngày 02/12/2016. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cháu K và yêu cầu chị H chu cấp nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Về tài sản: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Vì điều kiện công việc bận rộn anh đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản xác minh ngày 28/5/2026 ông Vũ Văn T, tổ trưởng tổ dân phố Đ cho biết: Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình H1 kết hôn năm 2012. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Đình Bảo K sinh năm 2016, hiện nay cháu đang ở với anh H1. Trong quá trình chung sống chị H và anh H1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì chị H đã bỏ nhà đi, chứ thực tế vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Ông không biết vợ chồng lục đục về vấn đề gì, anh H1 chị H không báo cáo tổ trưởng tổ dân phố tổ chức hoà giải nên tổ trưởng tổ dân phố không nắm rõ được nguyên nhân mâu thuẫn là gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ra thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị H, anh H1 không có mặt và cùng đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh, chị. Nên ngày 22/6/2026 TAND khu vực 6-Thanh Hoá đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Đình H1

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Đình Bảo K (nam), sinh ngày 02/12/2016 cho anh Trần Đình H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.365.000đ (hai triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX miễn xét.

* Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6 - Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình H1. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn";

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại phường B, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình H1 vắng mặt có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 328 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình H1.

[2] **Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa năm 2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H trình bày: trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn hợp nhau, đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn.

Anh H1 không đồng ý ly hôn và cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống nhiều năm, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau. Thực tế các bên đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các đương sự đều không tham gia hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân.

HĐXX xét thấy: thời gian ly thân kéo dài nhiều năm, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Đình Bảo K, sinh ngày 02/12/2016. Hiện nay cháu đang ở cùng anh H1, cuộc sống và việc học tập ổn định.

Chị H cũng thống nhất giao cháu K cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H1 có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và nguyện vọng của cháu K cũng xin được ở với anh H1. Xét thấy việc tiếp tục giao cháu K cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng sẽ bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, học tập và phù hợp với quyền lợi mọi mặt của cháu và nguyện vọng của cháu nên cần chấp nhận.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; anh H1 yêu cầu chị H cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nhu cầu thiết yếu của con hoặc khả năng thực tế của chị H để làm căn cứ chấp nhận mức cấp dưỡng như yêu cầu.

HĐXX xét thấy: Theo quy định tại của Nghị quyết 01/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 thì mức cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn tối thiểu sẽ bằng nửa tháng lương tối thiểu vùng/tháng. Như vậy, vùng II (Phường B, tỉnh Thanh Hóa) lương tối thiểu là 4.730.000đ. Nên buộc chị H cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 2.365.000đ (hai triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83,110,116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] **Về tài sản:** Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Top of FormBottom of Form

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

**** Căn cứ:***

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110,116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

** Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Đình H1.

- Về con cái: Giao cháu Trần Đình Bảo K (giới tính: nam), sinh ngày 02/12/2016 cho anh Trần Đình H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Đình Bảo K mỗi tháng 2.365.000đ (hai triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 21/5/2026 theo biên lai thu số: 0004008. Như vậy, chị H còn phải nộp 300.000đ án phí DSST tại Phòng Thi hành án khu vực 6- Thanh Hoá.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình H1. Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đình H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 6;*

TÒA
- *Đương sự;*
- *THADS tỉnh Thanh Hoá;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *UBND phường Bỉm Sơn (ĐK 25/12/2012);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

TỐNG THỊ HÀ